

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 67 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021

Kỳ báo cáo: năm 2021

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công;

UBND tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm (kèm theo phụ lục):

- Tổng kế hoạch vốn: 5.477.472 triệu đồng, trong đó:
 - + Kế hoạch vốn năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán sang năm 2021: 229.645 triệu đồng.
 - + Kế hoạch vốn năm 2021: 5.247.827 triệu đồng.
- Giá trị giải ngân đến hết ngày 31/01/2022: 3.925.198 triệu đồng, đạt 71,66% kế hoạch, trong đó:
 - + Thanh toán kế hoạch vốn năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán sang năm 2021: 132.928 triệu đồng, đạt 57,88% kế hoạch.
 - + Thanh toán kế hoạch vốn năm 2021: 3.792.270 triệu đồng, đạt 72,26% kế hoạch.

2. Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước (nếu có) và kết quả thực hiện vốn ứng trước chưa thu hồi:

2.1. Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước (nếu có): không.

2.2. Kết quả thanh toán vốn ứng trước chưa thu hồi năm 2021: không.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021 đạt 71,66 %, tỷ lệ đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước do tồn tại nhiều hạn chế cụ thể như sau:

- Các dự án chuyển tiếp sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ bố trí thiếu vốn so với kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 được duyệt (Trung ương giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 1.640.620 triệu đồng, giao 7.122.909 triệu đồng/8.763.529 triệu đồng). Nên kế hoạch năm 2021 bố trí cho các dự án chuyển tiếp này phải điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện mới được tiếp tục triển khai và giải ngân kế hoạch vốn.

- Các dự án bố trí mới sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ phải chờ Quốc hội khóa XV quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 (đến ngày 15/9/2021, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 1535/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025); các dự án sử dụng vốn ODA cần có ý kiến của nhà tài trợ trước khi triển khai thực hiện, riêng các dự án lập đề xuất mới khi triển khai dự án phải điều chỉnh từ lúc lập đề xuất dự án đến khi lập dự án đầu tư có sự thay đổi về chế độ, chính sách (suất đầu tư, lãi vay....) dẫn đến việc phải điều chỉnh hồ sơ, thủ tục kéo dài.

- Là năm chuyển tiếp giữa 2 nhiệm kỳ và kiện toàn tổ chức, nhân sự gắn với đại hội Đảng và bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, UBND các cấp. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát phải thực hiện giãn cách xã hội, nhiều nhà thầu phải áp dụng biện pháp cắt giảm nhân lực, tạm dừng hoạt động, vận chuyển nguyên vật liệu, nhập khẩu hàng hóa, tư vấn khảo sát, thiết kế huy động nhân lực gặp nhiều khó khăn. Một số quy định pháp luật về đầu tư công xây dựng còn chồng chéo, chưa thống nhất; giá xăng dầu và nguyên vật liệu (cát san lấp, sắt thép....) tăng mạnh làm ảnh hưởng đến các gói thầu thực hiện hợp đồng theo đơn giá cố định, trọn gói (chiếm 95% các gói thầu xây lắp).

- Một số dự án đầu tư từ ngân sách địa phương vẫn đang vướng công tác giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng giao thông. Việc xây dựng đơn giá bồi thường còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa sát với thực tế dẫn

đến công tác giải phóng mặt bằng chậm, còn xảy ra tình trạng khiếu kiện, khiếu nại kéo dài chưa được giải quyết triệt để.

III. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công hằng năm; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và cũng đã ban hành các Công văn: Công văn số 612/UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và vốn kéo dài; Công văn số 94/UBND-KT ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc đẩy mạnh công tác giải ngân, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và hoàn thiện thủ tục để giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đầu tư công của tỉnh năm 2021.

Đối với kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm, sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch, trường hợp nguồn vốn không có sự thay đổi (không tăng/giảm tổng kế hoạch vốn) đề xuất giao tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm không vượt tổng vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhằm tạo sự chủ động, kịp thời trong việc điều chỉnh kế hoạch vốn từ các dự án chậm, không có khả năng giải ngân sang các dự án có tiến độ tốt, khả năng giải ngân cao.

Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án còn nhiều bất cập do điều chỉnh một trong số các nội dung về thời gian thực hiện, mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư dự án.... Vì theo quy định tại Điều 43 của Luật Đầu tư công thì chỉ các trường hợp tăng tổng mức đầu tư mới điều chỉnh chủ trương đầu tư; trong khi đó tại Điều 16 quy định “Quyết định đầu tư chương trình dự án.... Không đúng với các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quy mô, vượt tổng mức đầu tư của chủ trương đầu tư đã được cấp thẩm quyền quyết định” thuộc hành vi bị cấm. Đề xuất ban hành cụ thể các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư sẽ giúp làm rõ các trường hợp cần điều chỉnh chủ trương đầu tư, giúp các đơn vị có nhu cầu điều chỉnh dự án trong quá trình triển khai hạn chế vi phạm quy định.

Việc trình phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu kỳ kế hoạch (điều kiện dự án được bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn là đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định Điều 51 của Luật Đầu tư công năm 2019) dẫn đến trong những năm tiếp theo khi có sự thay đổi về cơ chế, chính

sách, biến động giá làm mức vốn của dự án tại thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư sẽ không còn phù hợp khi triển khai thực hiện ở các năm sau, đặc biệt những năm về cuối của kế hoạch. Do đó, đề xuất Trung ương sớm có hướng dẫn trong trường hợp này.

Điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các dự án trong nội bộ sở, ngành quản lý quy định tại khoản 3 Điều 46 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch”. Tuy nhiên, sau khi rà soát tình hình giải ngân kế hoạch vốn năm 2021, hiện tỉnh có một số danh mục dự án không sử dụng hết vốn kế hoạch giao do dự án hoàn thành đã được quyết toán còn thừa vốn. Để thực hiện giải ngân hết kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao, đề xuất cho tỉnh được tiếp tục điều chỉnh vốn sang danh mục dự án có nhu cầu vốn để tỷ lệ giải ngân đạt cao.

Đối với nguồn thu tiền thuê đất, ghi thu – ghi chi ngân sách: nguồn vốn này hiện nay được Trung ương giao trong tổng chỉ cân đối ngân sách địa phương, bản chất là nguồn vốn đầu tư phát triển, vì thể hiện hạch toán ghi thu vào ngân sách, đồng thời ghi chi lại cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án. Nguồn vốn này hiện nay được ghi trong kế hoạch đầu tư công từ nguồn cân đối ngân sách địa phương để phân khai cho dự án là chưa phù hợp; do đó, kiến nghị Trung ương khi giao dự toán cho địa phương thì không giao số thu tiền thuê đất, do nguồn này làm ảnh hưởng chung đến tiến độ giải ngân kế hoạch chung toàn tỉnh đối với ngân sách địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 (tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2022) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./. *uuo*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân

KIÊN GIANG

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2021 - KỲ 13 THÁNG

(Kèm theo Báo cáo số 67 /BC-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Nhóm dự án (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Vốn kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm sau
				Tổng số	vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			
						Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	
1	2	3	4	5=6+8	6	7	8	9=10+13	10	11	12	13=14+15	14	15	16
A	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ			5.477.472	229.645	5.247.827	5.247.827	3.925.198	132.928	110.538	22.390	3.792.270	2.861.538	930.732	
	Vốn trong nước			5.170.177	186.527	4.983.650	4.983.650	3.683.330	115.011	95.364	19.647	3.568.319	2.643.355	924.964	
	Vốn nước ngoài, trong đó:			307.295	43.118	264.177	264.177	241.868	17.917	15.174	2.743	223.951	218.183	5.768	
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi			288.676	24.499	264.177	264.177	235.283	11.332	8.589	2.743	223.951	218.183	5.768	
	- Theo cơ chế tài chính trong nước			18.619	18.619	-	-	6.585	6.585	6.585	-	-	-	-	
I	VỐN NSNN			5.477.472	229.645	5.247.827	5.247.827	3.925.198	132.928	110.538	22.390	3.792.270	2.861.538	930.732	
	Vốn trong nước			5.170.177	186.527	4.983.650	4.983.650	3.683.330	115.011	95.364	19.647	3.568.319	2.643.355	924.964	
	Vốn nước ngoài, trong đó:			307.295	43.118	264.177	264.177	241.868	17.917	15.174	2.743	223.951	218.183	5.768	
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi			288.676	24.499	264.177	264.177	235.283	11.332	8.589	2.743	223.951	218.183	5.768	
	- Theo cơ chế tài chính trong nước			18.619	18.619	-	-	6.585	6.585	6.585	-	-	-	-	
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương			4.105.797	127.407	3.978.390	3.978.390	2.869.834	89.711	77.460	12.251	2.780.123	2.211.362	568.761	
2	Vốn ngân sách trung ương:			1.371.675	102.238	1.269.437	1.269.437	1.055.364	43.217	33.078	10.139	1.012.147	650.176	361.971	
	Vốn trong nước			1.064.380	59.120	1.005.260	1.005.260	813.496	25.300	17.904	7.396	788.196	431.993	356.203	
	Vốn nước ngoài, trong đó:			307.295	43.118	264.177	264.177	241.868	17.917	15.174	2.743	223.951	218.183	5.768	
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi			288.676	24.499	264.177	264.177	235.283	11.332	8.589	2.743	223.951	218.183	5.768	
	- Theo cơ chế tài chính trong nước			18.619	18.619	-	-	6.585	6.585	6.585	-	-	-	-	
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực			1.354.890	66.834	1.269.437	1.269.437	1.055.364	43.217	33.078	10.139	1.012.147	650.176	361.971	
a	Vốn trong nước			1.028.976	23.716	1.005.260	1.005.260	798.675	10.479	3.259	7.220	788.196	431.993	356.203	
-	Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng			276.000	-	276.000	276.000	92.003	-	-	-	92.003	45.966	46.037	
+	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)		7573340	40.000	-	40.000	40.000	40.000	-	-	-	40.000	33.578	6.422	
+	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương		7883640	200.000	-	200.000	200.000	16.003	-	-	-	16.003	6.388	9.615	
+	Đường Minh Lương Giục Tương		7900589	3.000	-	3.000	3.000	3.000	-	-	-	3.000	3.000		
+	Cầu thị trấn Thứ 11		7905245	3.000	-	3.000	3.000	3.000	-	-	-	3.000	3.000		
+	7924630 - Cầu Thứ Ba (ngang Sông Xáng Xẻo Rô) 2021 BQL		7924630	30.000	-	30.000	30.000	30.000	-	-	-	30.000		30.000	
-	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững			48.000	-	48.000	48.000	34.022	-	-	-	34.022	33.658	364	
+	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Chu		7676867	23.000	-	23.000	23.000	9.502	-	-	-	9.502	9.262	240	
+	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá mũi Gành Dầu		7557536	25.000	-	25.000	25.000	24.520	-	-	-	24.520	24.396	124	
-	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững			17.798	9.798	8.000	8.000	1.781	32	32	-	1.749	1.749	-	
+	Đầu tư bảo vệ phát triển bền vững VQG UMT GD 2016-2020.		7558301	9.798	9.798	-	-	32	32	32	-	-	-	-	
+	Đầu tư bảo vệ phát triển bền vững VQG PQ GD 2016-2020.		7554839	8.000		8.000	8.000	1.749	-	-	-	1.749	1.749		
-	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư			50.000	-	50.000	50.000	44.887	-	-	-	44.887	17.218	27.669	
+	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải		7635817	50.000	-	50.000	50.000	44.887	-	-	-	44.887	17.218	27.669	



STT	Nội dung	Nhóm dự án (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Vốn kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm sau
				Tổng số	vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			
						Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
										Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+8	6	7	8	9=10+13	10	11	12	13=14+15	14	15	16
-	Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, khu Kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			165.518	5.518	160.000	160.000	162.216	2.216	2.216	-	160.000	40.630	119.370	
+	Hệ thống giao thông nội bộ khu Công nghiệp Thanh Lộc - Giai đoạn I.		7683439	5.518	5.518	-	-	2.216	2.216	2.216	-	-	-	-	
+	Đường trung tâm đoạn 3 và các đường nhánh- Khu vực Bãi Trường		7230738	160.000	-	160.000	160.000	160.000	-	-	-	160.000	40.630	119.370	
-	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa			23.234	-	23.234	23.234	23.234	-	-	-	23.234	23.234	-	
+	Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang		7612699	23.234	-	23.234	23.234	23.234	-	-	-	23.234	23.234	-	
-	Chương trình đảm bảo trật tự phòng chống tội phạm ma túy			11.061	8.061	3.000	3.000	10.635	8.061	841	7.220	2.574	1.965	609	
+	Dự án nâng cấp sửa chữa bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang		7864976	11.061	8.061	3.000	3.000	10.635	8.061	841	7.220	2.574	1.965	609	
-	Chương trình Biển Đông - Hải Đảo			180.230	-	180.230	180.230	180.230	-	-	-	180.230	180.230	-	
+	Dự án cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên đảo Thổ Chu, huyện Phú Quốc.		7574749	120.230	-	120.230	120.230	120.230	-	-	-	120.230	120.230		
+	Dự án Đường cơ động phía Bắc đảo Phú Quốc.		7574747	25.000	-	25.000	25.000	25.000	-	-	-	25.000	25.000		
+	ĐTXD CSHT phục vụ phát triển KT-XH các xã đảo Lại Sơn, Nam Du, An Sơn huyện Kiên Hải		7554616	35.000	-	35.000	35.000	35.000	-	-	-	35.000	35.000		
-	Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động			16.500	-	16.500	16.500	12.042	-	-	-	12.042	12.042	-	
+	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm		7663665	16.500	-	16.500	16.500	12.042	-	-	-	12.042	12.042	-	
-	Vốn bố trí cho các dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn các dự án quan trọng quốc gia			240.296	-	240.296	240.296	237.455	-	-	-	237.455	75.301	162.154	
+	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang		7814373	185.296	-	185.296	185.296	185.296	-	-	-	185.296	23.142	162.154	
+	Kê chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên		7731963	12.500	-	12.500	12.500	12.239	-	-	-	12.239	12.239	-	
+	Kê chống sạt lở khu vực Xẻo Nhau huyện An Minh		7852899	22.500	-	22.500	22.500	21.111	-	-	-	21.111	21.111	-	
+	Kê chống sạt lở khu vực Hòn Quéo huyện Hòn Đất		7814371	20.000	-	20.000	20.000	18.809	-	-	-	18.809	18.809	-	
-	Hỗ trợ thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016			340	340	-	-	170	170	170	-	-	-	-	
+	Huyện Giồng Riềng		202008001	150	150	-	-	130	130	130	-	-	-	-	
+	Huyện U Minh Thượng			40	40			-	-	-					
+	Huyện Vĩnh Thuận		2020007	150	150	-	-	40	40	40	-	-	-	-	
b	Vốn nước ngoài, trong đó:			325.913	43.118	264.177	264.177	241.868	17.917	15.174	2.743	223.951	218.183	5.768	
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi			288.676	24.499	264.177	264.177	235.283	11.332	8.589	2.743	223.951	218.183	5.768	
-	Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp Phát triển nông thôn			234.499	24.499	210.000	210.000	189.595	11.332	8.589	2.743	178.263	172.495	5.768	
+	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9		7615834	140.000	-	140.000	140.000	140.000	-	-	-	140.000	138.544	1.456	
+	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT)		7491010	94.499	24.499	70.000	70.000	49.595	11.332	8.589	2.743	38.263	33.951	4.312	
-	Ngành, lĩnh vực Du lịch			48.888	-	48.888	48.888	45.688	-	-	-	45.688	45.688	-	

STT	Nội dung	Nhóm dự án (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Vốn kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm sau	
				Tổng số	vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm				
						Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5=6+8	6	7	8	9=10+13	10	11	12	13=14+15	14	15	16	
	7507571 - PT CSHT du lịch HT cho tăng trưởng toàn diện KV tiểu vùng Sông Mê Kông		7507571	48.888	-	48.888	48.888	45.688	-			45.688	45.688			
-	- Ngành Tài nguyên và Môi trường			5.289	-	5.289	5.289	-	-	-	-	-	-	-		
+	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai WB		7660879	5.289	-	5.289	5.289									
	- Theo cơ chế tài chính trong nước			18.619	18.619	-	-	6.585	6.585	6.585	-	-	-	-		
-	Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp Phát triển nông thôn			18.619	18.619	-	-	6.585	6.585	6.585	-	-	-	-		
+	Bảo vệ và PT rừng PH ven biển Hòn Đất - Kiên Hà tỉnh Kiên Giang		7756134	18.619	18.619			6.585	6.585	6.585	-					
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia			27.404	27.404	-	-	14.821	14.821	14.645	176	-	-	-		
a	Vốn trong nước			27.404	27.404	-	-	14.821	14.821	14.645	176	-	-	-		
-	Chương trình MTQG XD Nông thôn mới			24.780	24.780	-	-	13.404	13.404	13.228	176	-	-	-		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			2.624	2.624	-	-	1.417	1.417	1.417	-	-	-	-		
b	Vốn nước ngoài, trong đó:			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi															
	- Theo cơ chế tài chính trong nước															
2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao			8.000	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương			8.000	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
+	DA Cấp bách PCCC rừng & bảo vệ rừng VQG U Minh Thượng		220190031	8.000	8.000	-	-	-	-	-	-					
II	VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH															